TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 447/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 8 - 2025.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôicon khi ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hồ Ngọc Tiếp.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Xuân Thành; bà Bùi Thị Hoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Nguyễn Thị Châu - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa**:* bà Nguyễn Thị Tuyết Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 362/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 457/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị C, sinh ngày 21/8/1996

Căn cước công dân số: 040196019915.

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện T (nay là xã K), tỉnh Nghệ An, vắng mặt (có văn bản xin vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Lê Minh T, sinh ngày 11/8/1987

Căn cước công dân số: 040087040056.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn L, xã T, huyện T (nay là xã K), tỉnh Nghệ An. Nơi ở hiện nay: Đài Loan, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn – chị Phạm Thị C trình bày:

Chị C và anh Lê Minh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/12/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc. Khoảng tháng 3/2024, anh T đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan, thời gian khi mới xa nhau vợ chồng còn tình cảm và có liên lạc với nhau. Tuy nhiên do anh T gia trưởng, quan điểm hai bên trái ngược, thiếu hòa hợp dẫn đến mâu thuẫn, anh T cắt liên lạc với mẹ con chị C. Chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh T không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị C ly hôn anh Lê Minh T.

- Về con chung: chị C và anh T có 03 con chung là Lê Bảo V, sinh ngày 02/01/2017; Lê Minh T1, sinh ngày 07/4/2020; Lê Phạm Minh K, sinh ngày 04/10/2023. Từ khi anh T đi nước ngoài đến nay, các con chung do chị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị C mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung.

- Về cấp dưỡng: chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 09/6/2025, bị đơn – anh Lê Minh T trình bày:

Anh T thừa nhận về điều kiện kết hôn, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị C trình bày ở trên. Ngày 21/3/2024, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình. Biết việc chị C khởi kiện ly hôn và Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang giải quyết vụ án nên ngày 25/5/2025 anh T về Việt Nam, đến Tòa án giải làm việc. Anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con khôn lớn, trưởng thành.

Về con chung: anh T thừa nhận anh T và chị C có 03 con chung như chị C trình bày ở trên. Nếu ly hôn, anh T mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, nếu sau này quay trở lại Đài Loan làm việc anh T sẽ nhờ bố mẹ anh T chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T sẽ có trách nhiệm với các con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: do chị C không yêu cầu giải quyết nên anh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng của cháu Lê Bảo V: cháu là con đẻ bố mẹ Lê Minh T, Phạm Thị C. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu mong muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án đã thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị C được ly hôn anh Lê Minh T; giao con chung là Lê Bảo V, sinh ngày 02/01/2017; Lê Minh T1, sinh ngày 07/4/2020 và Lê Phạm Minh K, sinh ngày 04/10/2023 cho chị Phạm Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: do chị C, anh T chưa yêu cầu, nên không xem xét.

- Về án phí: chị Phạm Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Về thẩm quyền: bị đơn - anh Lê Minh T có địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: thôn L, xã T, huyện T (nay là xã K), tỉnh Nghệ An. Anh T hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài, nên vụ án về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên - Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 122, 123 và 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về thủ tục hòa giải: Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Căn cứ Điều 207 Bộ luật tố dụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Đối với nguyên đơn - chị Phạm Thị C đã trực tiếp đến Tòa án để làm việc, được tiếp cận công khai chứng cứ và trình bày ý kiến của mình, nhưng không thể tham gia phiên tòa, nên đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn - anh Lê Minh T: ngày 09/6/2025, anh T đến Tòa án và có lời khai thể hiện ý kiến về vụ án trên, sau đó T tiếp tục xuất cảnh ra nước ngoài (Theo Công văn số 2482/QLXNC-Đ1 ngày 20/6/2025 của Phòng Q - Công an tỉnh N thì anh Lê Minh T xuất cảnh ngày 18/6/2025 qua Cửa khẩu sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh). Anh T không cung cấp địa chỉ cư trú, làm việc của anh T tại nước ngoài. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng đối với anh Lê Minh T theo quy định pháp luật. Việc anh T không cung cấp địa chỉ thể hiện anh T cố tình dấu địa chỉ.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: căn cứ Giấy chứng nhậnkết hôn số 44/2013 quyển số 02/2008của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An thì quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị C và anh Lê Minh T là hợp pháp.

[2.2] Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh T hạnh phúc. Từ khi anh T đi lao động tại nước ngoài đến nay, hai bên xẩy ra mâu thuẫn và ngày một căng thẳng dẫn đến chấm dứt liên lạc, quan hệ, nguyên nhân do không tôn trọng, quan tâm nhau. Chị C quyết tâm ly hôn, anh T mong muốn đoàn tụ.

[2.3] Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; tuy anh T không mong muốn ly hôn nhưng không có hành động, biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, sau khi trở về Việt Nam và xuất cảnh trở lại đến nay cũng không quan tâm, chăm sóc, trách nhiệm với chị C. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu

xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị C được ly hôn anh Lê Minh T như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị C và anh T có 03 con chung là Lê Bảo V, sinh ngày 02/01/2017; Lê Minh T1, sinh ngày 07/4/2020; Lê Phạm Minh K, sinh ngày 04/10/2023. Chị C tha thiết được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung. Anh T cũng mong muốn được nuôi hai con và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng các con của chị C, anh T là chính đáng. Tuy nhiên, hiện nay các con chung đang do chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T hiện đang đi làm ở nước ngoài, chưa có điều kiện để trực tiếp chăm sóc các con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận nguyện vọng về việc nuôi con của chị C. Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, do chị C không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không được ai cản trở. Anh Lê Minh T có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị C và anh T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: chị Phạm Thị C phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; 37, 38, 39 Điều 147; khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật Tố dụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 2 năm 2016 của Ủy ban T2 về án phí, lệ phí Tòa án, xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị C được ly hôn anh Lê Minh T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Lê Bảo V, sinh ngày 02/01/2017; Lê Minh T1, sinh ngày 07/4/2020 và Lê Phạm Minh K, sinh ngày 04/10/2023 cho chị Phạm Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành.

2.2. Về cấp dưỡng: Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.3. Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.4. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: chị Phạm Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An (nay là Thi hành án dân sự tỉnh N), theo Biên lai số 0007795 ngày 08/5/2025.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Chị Phạm Thị C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo lên Tòa phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5.2. Anh Lê Minh T đang cư trú tại nước ngoài, vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc Bản án sơ thẩm được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Kim Bảng, NA;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Ngọc Tiếp